TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phước Ninh.

2. Ông Phạm Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 616/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trần Như T, sinh năm 1974 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà A, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà E, khu phố F, phường G, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Trần Như T trình bày:***

Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện H (nay là phường G, thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Anh chị sống chung hạnh phúc đến tháng 12/2008, phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01/2009, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm về suy nghĩ, nhận thức và tư tưởng. Trong công việc làm ăn thì anh T1 tự ý quyết định, thường xuyên bỏ nhà đi làm ăn xa, anh không bàn bạc và không tôn trọng ý kiến của chị T. Khi vợ chồng bất hòa, cãi nhau, anh T1 thường sử dụng lời nói thô tục để chửi mắng và đe dọa chị T. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 chung sống có 02 người con là Lê Thanh T2, sinh ngày 15/5/2004 và Lê Minh Q, sinh ngày 05/8/2005. Hiện hai con đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Lê Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; giao hai con chung cho chị T được quyền nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Như T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Lê Văn T1 vắng mặt không có lý do nên Hội

đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh T1 là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện H (nay là phường G, thị xã H), tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, thấy rằng: Chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2008 thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị không chung sống vợ chồng khoảng 02 năm nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Qua lời trình bày của chị T thì mâu thuẫn chủ yếu giữa anh chị là do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, anh T1 tự quyết định mọi việc, không tôn trọng ý kiến của chị T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1 nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 chung sống có 02 người con là Lê Thanh T2, sinh ngày 15/5/2004 và Lê Minh Q, sinh ngày 05/8/2005. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T, thấy rằng: Cháu T2 và cháu Q đang sống ổn định cùng với mẹ, có nguyện vọng sống với mẹ, vì vậy để tránh làm xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt của hai cháu nên cần giao hai cháu cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Trần Như T đối với anh Lê Văn T1. Chị Nguyễn Trần Như T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh T2, sinh ngày 15/5/2004 và cháu Lê Minh Q sinh ngày 05/8/2005 cho chị Nguyễn Trần Như T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị Nguyễn Trần Như T không yêu cầu anh Lê Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Trần Như T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Trần Như T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009320 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu